



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0102004703	ngày 11/3/2002
	0102004703, điều chỉnh lần 1	ngày 27/10/2003
	0102004703, điều chỉnh lần 2	ngày 27/2/2006
	0102004703, điều chỉnh lần 3	ngày 03/8/2007
	0103018927	ngày 08/8/2007
	0103018927, điều chỉnh lần 1	ngày 20/8/2009
	0103018927, điều chỉnh lần 2	ngày 23/10/2009
	0101217009, điều chỉnh lần 3	ngày 25/5/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 4	ngày 21/6/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 5	ngày 04/11/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 6	ngày 04/3/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 7	ngày 16/3/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 8	ngày 21/6/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 9	ngày 07/11/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 10	ngày 03/5/2012
	0101217009, điều chỉnh lần 11	ngày 01/8/2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Trần Xuân Kiên	Chủ tịch
Đỗ Thị Thu Hương	Thành viên
Srisant Chitvaranund	Thành viên
Nghiêm Xuân Thắng	Thành viên
Đỗ Kim Liên	Thành viên
Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
Bùi Xuân Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Trần Xuân Kiên	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Nghiêm Xuân Thắng	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký

1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng
Quận Đống Đa
Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14-08-2012



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các dữ liệu tài chính và do đó chỉ đạt được sự đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Do chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Dựa vào công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề nào khiến chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo số: 12-02-114R



Dàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Lê Việt Hùng

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0296/KTV

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		261.716.614.672	321.589.952.491
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	97.486.502.250	36.140.042.928
Tiền	111		9.815.757.806	15.640.042.928
Các khoản tương đương tiền	112		87.670.744.444	20.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	82.493.268.745	104.885.360.220
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		82.493.268.745	104.885.360.220
Các khoản phải thu	130	5	4.485.808.494	5.870.701.075
Phải thu khách hàng	131		1.872.407.465	3.261.068.190
Trả trước cho người bán	132		2.613.401.029	2.609.632.885
Hàng tồn kho	140	6	73.068.917.276	133.757.113.752
Hàng tồn kho	141		76.295.951.063	136.984.147.539
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.227.033.787)	(3.227.033.787)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.182.117.907	40.936.734.516
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.694.008.695	2.208.403.510
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		264.127.320	4.562.951.943
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1.223.981.892	34.165.379.063
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		68.227.867.357	35.347.072.235
Tài sản cố định	220		14.570.257.196	11.756.419.547
Tài sản cố định hữu hình	221	8	10.833.968.263	5.679.248.215
<i>Nguyên giá</i>	222		18.509.860.109	11.344.631.939
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.675.891.846)	(5.665.383.724)
Tài sản cố định vô hình	227	9	41.857.885	92.087.348
<i>Nguyên giá</i>	228		890.414.960	908.414.960
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(848.557.075)	(816.327.612)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.694.431.048	5.985.083.984
Tài sản dài hạn khác	260		53.657.610.161	23.590.652.688
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.701.074.161	1.617.752.688
Tài sản dài hạn khác	268	12	51.956.536.000	21.972.900.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		329.944.482.029	356.937.024.726

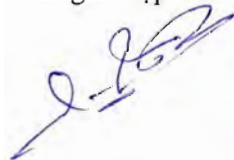
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		96.678.886.701	140.147.554.754
Nợ ngắn hạn	310		96.208.646.241	139.650.849.441
Phải trả người bán	312		82.189.045.548	103.065.872.774
Người mua trả tiền trước	313		463.542.381	1.504.847.717
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.463.962.510	5.813.208.784
Phải trả công nhân viên	315		4.150.794.681	7.840.724.809
Chi phí phải trả	316		2.274.588.658	2.901.037.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	2.057.187.526	18.148.863.777
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.609.524.937	376.294.380
Nợ dài hạn	330		470.240.460	496.705.313
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	15	470.240.460	496.705.313
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		233.265.595.328	216.789.469.972
Vốn chủ sở hữu	410		233.265.595.328	216.789.469.972
Vốn cổ phần	411	16	123.990.160.000	83.425.060.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		68.613.164.001	68.613.164.001
Cổ phiếu quỹ	414	16	(6.250.995.640)	(6.175.395.640)
Quỹ đầu tư phát triển	417	17	424.368.000	424.368.000
Quỹ dự phòng tài chính	418	17	8.087.214.032	5.100.880.563
Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.401.684.935	65.401.393.048
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		329.944.482.029	356.937.024.726

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

14 -08- 2012

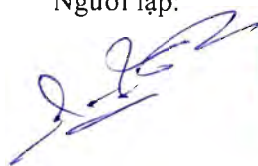
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Doanh thu	01	18	784.698.791.931	735.651.405.718
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	7.275.668.091	4.339.014.315
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		777.423.123.840	731.312.391.403
Giá vốn hàng bán	11		695.334.081.526	660.578.884.593
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		82.089.042.314	70.733.506.810
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	9.897.628.396	9.616.889.423
Chi phí bán hàng	24		55.133.394.102	34.037.462.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.926.310.582	7.539.522.356
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (24 + 25)}	30		25.926.966.026	38.773.411.877
Thu nhập khác	31		241.219.428	134.438.593
Chi phí khác	32		32.523.204	297.724.629
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		208.696.224	(163.286.036)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26.135.662.250	38.610.125.841
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	6.597.603.425	9.829.549.719
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		19.538.058.825	28.780.576.122
Lãi trên cổ phiếu		21		Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.606	2.364

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

14-08-2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ khách hàng	01	855.443.163.924	808.526.975.363
Tiền chi trả cho nhà cung cấp	02	(759.264.356.580)	(748.234.847.849)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(25.169.752.505)	(18.729.852.213)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(9.942.649.915)	(9.912.107.153)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.165.828.108	13.494.343.525
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.278.861.692)	(7.545.021.747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.953.371.340	37.599.489.926
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.099.416.629)	(1.644.798.101)
Gửi tài khoản tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	23	(119.410.949.815)	(3.500.000.000)
Tiền thu từ việc rút tài khoản tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	26	141.803.041.290	2.350.000.000
Thu lãi tiền gửi	27	10.338.770.636	9.607.912.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26.631.445.482	6.813.113.915

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này.



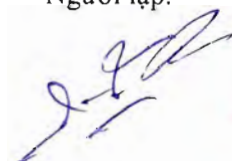
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32	(75.600.000)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(16.162.757.500)	(11.595.265.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.238.357.500)	(11.595.265.923)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	61.346.459.322	32.817.337.918
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	36.140.042.928	122.446.585.418
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70 4	97.486.502.250	155.263.923.336

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

14-08-2012

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty có 650 nhân viên (31/12/2011: 695 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đánh giá

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị được đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin về ý nghĩa của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản cho vay và các khoản phải thu; hoặc
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính nêu trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	551.805.626	931.684.324
Tiền gửi ngân hàng	4.700.375.227	4.503.288.104
Tiền đang chuyển	4.563.576.953	10.205.070.500
Các khoản tương đương tiền	87.670.744.444	20.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.486.502.250	36.140.042.928
	<hr/>	<hr/>

Tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm số ngoại tệ xấp xỉ 62 triệu VND (31/12/2011: 130 triệu VND).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 90 đến 180 ngày.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm 8.000 triệu VND (31/12/2011: 3.500 triệu VND) bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo đảm của Công ty với các nhà cung cấp.

6. Hàng tồn kho

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	155.100.004	329.519.965
Thành phẩm	549.335.850	1.607.006.028
Hàng hóa	75.591.515.209	135.047.621.546
	<hr/>	<hr/>
	76.295.951.063	136.984.147.539
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.227.033.787)	(3.227.033.787)
	<hr/>	<hr/>
	73.068.917.276	133.757.113.752
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong thành phẩm, hàng hóa tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có 35.297 triệu VND (31/12/2011: 52.060 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đặt cọc ngắn hạn tiền thuê	-	29.759.820.339
Tạm ứng cho nhân viên	559.969.749	342.593.945
Các khoản khác	664.012.143	4.062.964.779
	<hr/>	<hr/>
	1.223.981.892	34.165.379.063
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	168.026.610	3.172.697.744	4.073.246.232	3.930.661.353	11.344.631.939
Tăng trong kỳ	-	1.331.058.463	-	-	1.331.058.463
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.142.827.859	1.324.662.375	2.398.867.473	-	5.866.357.707
Thanh lý	-	(32.188.000)	-	-	(32.188.000)
Số dư cuối kỳ	2.310.854.469	5.796.230.582	6.472.113.705	3.930.661.353	18.509.860.109
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.600.887	2.470.228.475	2.440.826.851	748.727.511	5.665.383.724
Khấu hao trong kỳ	231.085.447	537.976.885	946.078.677	327.555.113	2.042.696.122
Thanh lý	-	(32.188.000)	-	-	(32.188.000)
Số dư cuối kỳ	236.686.334	2.976.017.360	3.386.905.528	1.076.282.624	7.675.891.846
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	162.425.723	702.469.269	1.632.419.381	3.181.933.842	5.679.248.215
Số dư cuối kỳ	2.074.168.135	2.820.213.222	3.085.208.177	2.854.378.729	10.833.968.263

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 2.711 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (31/12/2011; 1.899 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	908.414.960
Thanh lý	(18.000.000)
Số dư cuối kỳ	890.414.960
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	816.327.612
Khấu hao trong kỳ	50.229.463
Thanh lý	(18.000.000)
Số dư cuối kỳ	848.557.075
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	92.087.348
Số dư cuối kỳ	41.857.885

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 592 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (31/12/2011: 610 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Số dư đầu kỳ	5.985.083.984	-
Tăng trong kỳ	4.743.151.566	6.733.869.994
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.866.357.707)	(623.546.010)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(907.878.686)	(125.240.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(259.568.109)	-
Số dư cuối kỳ	3.694.431.048	5.985.083.984

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Số dư của chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ bao gồm:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	-	2.142.827.859
Công trình nâng cấp siêu thị	42.000.000	2.126.920.720
Chi phí phát triển phần mềm	3.108.183.047	1.531.547.405
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	544.248.001	183.788.000
Số dư cuối kỳ	3.694.431.048	5.985.083.984

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	737.370.873	880.381.815	1.617.752.688
Tăng trong kỳ	25.206.600	-	25.206.600
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	907.878.686	-	907.878.686
Xóa sổ	(25.508.125)	-	(25.508.125)
Phân bổ trong kỳ	(638.258.001)	(185.997.687)	(824.255.688)
Phân loại lại	390.890.881	(390.890.881)	-
Số dư cuối kỳ	1.397.580.914	303.493.247	1.701.074.161

12. Tài sản dài hạn khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản đặt cọc tiền thuê các siêu thị của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.468.162.294	5.813.208.784
Thuế khác	(4.199.784)	-
	<hr/> 2.463.962.510	<hr/> 5.813.208.784

14. Phải trả khác

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Cổ tức phải trả	75.339.577	16.239.742.077
Nhận kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	1.125.975.471	1.151.617.009
Doanh thu chưa thực hiện	463.947.280	628.226.847
Các khoản phải trả, phải nộp khác	391.925.198	129.277.844
	<hr/> 2.057.187.526	<hr/> 18.148.863.777

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu kỳ	496.705.313
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(26.464.853)
	<hr/> 470.240.460

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã đóng 174 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 29 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.

16. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	8.342.506	83.425.060.000	8.121.506	81.215.060.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	12.399.016	123.990.160.000	8.342.506	83.425.060.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(237.255)	(2.372.550.000)	(226.150)	(2.261.500.000)
	(237.255)	(2.372.550.000)	(226.150)	(2.261.500.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	12.161.761	121.617.610.000	8.116.356	81.163.560.000
	12.161.761	121.617.610.000	8.116.356	81.163.560.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Theo quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, tổng số vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 83.425.060.000 VND. Ngày 11 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua nghị quyết phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ một (1) cổ phiếu thưởng cho mỗi hai (2) cổ phiếu nắm giữ. Công ty đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đợt phát hành cổ phiếu thưởng này. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh vào ngày 1 tháng 8 năm 2012.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	8.116.356	81.163.560.000	5.800.898	58.008.980.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ	4.056.510	40.565.100.000	2.320.358	23.203.580.000
Thực hiện quyền chọn mua cổ phần theo chương trình ESOP	-	-	221.000	2.210.000.000
Cổ phiếu quỹ mua trong kỳ	(7.560)	(75.600.000)	(225.900)	(2.259.000.000)
Cổ phiếu thưởng thu hồi trong kỳ	(3.545)	(35.450.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	12.161.761	121.617.610.000	8.116.356	81.163.560.000

Bao gồm trong số cổ phiếu của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có 2.707.344 cổ phiếu (31/12/2011: 1.804.896 cổ phiếu) được nắm giữ bởi công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á (“Aureos”). Theo các điều khoản trong thỏa thuận giữa Công ty và Aureos ký ngày 10 tháng 6 năm 2010 (“Thỏa thuận”), Công ty cam kết với Aureos nếu Aureos không nhận được lợi nhuận đầu tư tối thiểu theo thỏa thuận trong thời gian 3 năm đầu tiên đầu tư vào Công ty, Aureos có quyền tính một mức phí quản lý nhất định đối với Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Công ty sẽ phải trả khoản phí quản lý đó. Sự tồn tại của nghĩa vụ phải trả phí quản lý của Công ty cho Aureos tùy thuộc vào các sự kiện trong tương lai mà kết quả của các sự kiện này vốn không chắc chắn.

17. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

i) Quỹ đầu tư và phát triển

Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

ii) Quỹ dự phòng tài chính

Theo biên bản Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 11 tháng 4 năm 2012, Công ty quyết định chuyển 5% lợi nhuận thuần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty vào quỹ dự phòng tài chính thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

18. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	784.698.791.931	735.651.405.718
Giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.275.668.091)	(4.339.014.315)
Doanh thu thuần	<u>777.423.123.840</u>	<u>731.312.391.403</u>

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi	9.894.438.680	9.607.912.016
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.189.716	8.977.407
	<u>9.897.628.396</u>	<u>9.616.889.423</u>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện tại	6.597.603.425	9.726.749.276
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	-	102.800.443
	6.597.603.425	9.829.549.719

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	26.135.662.250	38.610.125.841
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.533.915.563	9.652.531.460
Chi phí không được khấu trừ thuế	63.687.862	74.217.816
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	102.800.443
	6.597.603.425	9.829.549.719

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 căn cứ vào số lợi nhuận thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trị giá 19.538.058.825 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 28.780.576.122 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành là 12.167.915 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 12.174.221), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	19.538.058.825	28.780.576.122
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.538.058.825	28.780.576.122

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	8.116.356	5.800.898
Cổ phiếu thưởng phát hành ngày 18 tháng 5 năm 2011	-	2.320.358
Cổ phiếu thưởng phát hành ngày 5 tháng 6 năm 2012	4.056.510	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(1.406)	-
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong kỳ	(3.545)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	12.167.915	8.121.256

(iii) Điều chỉnh lại số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông	Lãi trên cổ phiếu
Theo báo cáo trước đây	8.121.256	3.544
Điều chỉnh lại do phát hành cổ phiếu thưởng ngày 5 tháng 6 năm 2012	4.056.510	(1.181)
Điều chỉnh lại do thu hồi cổ phiếu thưởng từ nhân viên	(3.545)	1
Đã điều chỉnh lại	12.174.221	2.364

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	58.011.480.000	68.613.164.001	(2.500.000)	424.368.000	3.268.517.815	48.881.575.255	179.196.605.071
Phát hành cổ phiếu thưởng	23.203.580.000	-	-	-	-	(23.203.580.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	28.780.576.122	28.780.576.122
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.832.362.748	(1.832.362.748)	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.832.362.748)	(1.832.362.748)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	81.215.060.000	68.613.164.001	(2.500.000)	424.368.000	5.100.880.563	50.793.845.881	206.144.818.445
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	83.425.060.000	68.613.164.001	(6.175.395.640)	424.368.000	5.100.880.563	65.401.393.048	216.789.469.972
Phát hành cổ phiếu thưởng	40.565.100.000	-	-	-	-	(40.565.100.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	19.538.058.825	19.538.058.825
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	2.986.333.469	(2.986.333.469)	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.986.333.469)	(2.986.333.469)
Mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	(75.600.000)	-	-	-	(75.600.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	123.990.160.000	68.613.164.001	(6.250.995.640)	424.368.000	8.087.214.032	38.401.684.935	233.265.595.328

23. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty thực hiện việc giám sát Ban giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty, cũng như rà soát tính thích hợp của các chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào công cụ nợ.



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4	96.934.696.624	35.208.358.604
Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	82.493.268.745	104.885.360.220
Các khoản phải thu khách hàng	23	1.872.407.465	3.261.068.190
		<hr/>	<hr/>
		181.300.372.834	143.354.787.014
		<hr/>	<hr/>

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín của Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín của Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu thương mại từ các khách hàng của Công ty. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã thu hồi hết các khoản phải thu thương mại này.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Phần lớn doanh thu bán hàng của Công ty được thực hiện qua những giao dịch trả tiền ngay.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả thương mại	82.189.045.548	82.189.045.548	82.189.045.548

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro hối đoái bởi tất cả nghiệp vụ bán hàng và mua hàng của Công ty đều được thực hiện bằng Việt Nam Đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính – Các khoản tương đương tiền	87.670.744.444	20.500.000.000
Tài sản tài chính – Các khoản đầu tư ngắn hạn	82.493.268.745	104.885.360.220
	<u>170.164.013.189</u>	<u>125.385.360.220</u>

Các công cụ tài chính trên của Công ty có lãi suất cố định, do đó Công ty không chịu rủi ro biến động lãi suất.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có sự khác biệt lớn so với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào các công cụ nợ

Giá trị hợp lý của công cụ nợ được xác định bằng bảng kỹ thuật định giá. Các kỹ thuật định giá được áp dụng bao gồm các phân tích tham số thị trường và phân tích dòng tiền chiết khấu sử dụng dòng tiền tương lai ước tính và tỷ lệ chiết khấu liên quan đến thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng nhận được	9.816.100.000	5.609.200.000
Trả cổ tức	3.926.440.000	2.394.600.000
Đỗ Thị Thu Hương		
Cổ phiếu thưởng nhận được	9.268.210.000	5.296.120.000
Trả cổ tức	3.707.284.000	2.238.060.000
Công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á		
Cổ phiếu thưởng nhận được	9.024.480.000	4.292.840.000
Trả cổ tức	3.609.792.000	2.146.424.000
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng nhận được	906.000.000	472.000.000
Trả cổ tức	362.400.000	236.000.000
Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thưởng nhận được	405.000.000	150.000.000
Trả cổ tức	162.000.000	75.000.000
Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thưởng nhận được	267.320.000	129.900.000
Trả cổ tức	106.930.000	72.950.000
Đỗ Thị Kim Liên		
Cổ phiếu thưởng nhận được	1.939.940.000	505.680.000
Trả cổ tức	397.976.000	252.840.000
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao đã trả	416.900.000	110.000.000

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Cam kết

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	46.442.377.383	55.868.542.874
Trong vòng hai đến năm năm	121.329.475.866	122.721.966.008
Sau năm năm	64.426.102.694	74.935.316.855
	232.197.955.943	253.525.825.737

26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Hàng hóa và chi phí liên quan	695.334.081.526	660.578.884.593
Chi phí nhân công	25.835.070.841	17.945.094.374
Chi phí khấu hao	2.917.181.273	2.591.359.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.361.138.459	18.723.273.203
Chi phí khác	2.946.314.110	2.317.257.456

Người lập:  Người duyệt: 



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

14 -08- 2012